**THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**QUY ĐỊNH MỨC THU, ĐƠN VỊ TÍNH PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2023 của UBND tỉnh)*

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THU PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRONG GIAI ĐOẠN 2020-2022 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 21/2017/NQ-HĐND NGÀY 18/7/2017 CỦA HĐND TỈNH**

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND). Theo đánh giá của Cục Thuế tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường, mức thu phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND cơ bản phù hợp với tình hình thực tế khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh và khả năng nộp phí của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

Tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND, HĐND tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác 21 loại khoáng sản, tuy nhiên thực tế trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2020-2022 chỉ phát sinh khai thác 11/21 loại khoáng sản (*bao gồm: quặng sắt; quặng vàng; quặng chì, quặng kẽm; đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình; sỏi; đá làm vật liệu xây dựng thông thường; cát vàng; các loại cát khác; đất sét, đất làm gạch, ngói; các loại đất khác; các khoáng sản không kim loại khác*), trong đó có 05 loại khoáng sản khai thác với sản lượng lớn, theo đó phí bảo vệ môi trường thu được từ việc khai thác 05 loại khoáng sản này lớn và tăng dần theo từng năm (*gồm: quặng sắt; quặng vàng; quặng chì, quặng kẽm; đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình; đá làm vật liệu xây dựng thông thường)*. Theo báo cáo của Cục Thuế tỉnh, số thu nộp ngân sách nhà nước từ phí bảo vệ môi trường trong khai thác 11 loại khoáng sản nêu trên trong giai đoạn 2020-2022 như sau:

- Năm 2020: 80.345,159 triệu đồng.

- Năm 2021: 105.223,974 triệu đồng.

- Năm 2022: 89.514,31 triệu đồng.

(*Chi tiết số liệu theo Biểu số 01 đính kèm*)

**II. THUYẾT MINH VỀ DANH MỤC KHOÁNG SẢN VÀ MỨC THU, ĐƠN VỊ TÍNH PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TẠI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Thuyết minh về danh mục khoáng sản thực hiện thu phí bảo vệ môi trường tại dự thảo Nghị quyết**

Tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Nghị định số 27/2023/NĐ-CP), Chính phủ quy định 40 loại khoáng sản thực hiện thu phí bảo vệ môi trường khi có phát sinh việc khai thác. Căn cứ vào tình hình thực tế, các loại khoáng sản có trữ lượng trên địa bàn tỉnh (nhiều loại khoáng sản trong danh mục khoáng sản tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP điều kiện tự nhiên của tỉnh Bắc Kạn không có trữ lượng), đồng thời trên cơ sở đề xuất của Cục Thuế tỉnh - cơ quan thu phí bảo vệ môi trường, đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường - cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực khai thác khoáng sản, UBND tỉnh đề xuất thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác 27/40 loại khoáng sản theo danh mục khoáng sản quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP để đưa vào dự thảo Nghị quyết, bao gồm:

- 08 loại quặng khoáng sản kim loại: Quặng sắt; quặng măng-gan; quặng vàng; quặng bạch kim, quặng bạc, quặng thiếc; quặng vôn-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon); quặng chì, quặng kẽm; quặng đồng, quặng ni-ken (nicken); quặng khoáng sản kim loại khác.

- 19 loại khoáng sản không kim loại: Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình; sỏi; đá block; đá làm vật liệu xây dựng thông thường; đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit); đá làm fluorit; đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ; đá hoa trắng làm bột carbonat; đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ; cát vàng; các loại cát khác; đất sét, đất làm gạch, ngói; mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật; pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorit); thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, cờ-ri-ô-lít (cryolite), ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa, birusa, nê-phờ-rít (nefrite); cuội, sạn; các loại đất khác; nước khoáng thiên nhiên; các khoáng sản không kim loại khác.

Hiện nay, trong 27 loại khoáng sản nêu trên chỉ có 11/27 loại khoáng sản có phát sinh việc khai thác và thực hiện thu phí bảo vệ môi trường; 16/27 loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh có trữ lượng, tuy nhiên chưa phát sinh khai thác, dự kiến sẽ khai thác và thu phí bảo vệ môi trường trong các năm tiếp theo, cụ thể:

- 03 loại khoáng sản đã được khảo sát, đánh giá tài nguyên, gồm: (1) Quặng đồng (xã Liêm Thủy, huyện Na Rì) có tài nguyên khoảng 100.000 tấn quặng; (2) Đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (xã Vũ Muộn, huyện Bạch Thông) có tài nguyên dự báo khoảng 10 triệu m3; (3) Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp (Serpentin, barit, bentonit) có tài nguyên dự báo khoảng 40 triệu m3 (đá vôi xi măng);

- 05 loại khoáng sản đã phê duyệt trữ lượng, gồm: (1) Đá block (đá khối) có trữ lượng khoảng 3 triệu m3; (2) Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ có trữ lượng khoảng 3 triệu m3; (3) Đá hoa trắng làm bột carbonat có trữ lượng khoảng 19,5 triệu tấn (trong đó mỏ đá vôi trắng Nà Hai đã cấp phép khai thác); (4) Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật tại huyện Ngân Sơn trữ lượng tài nguyên 976 nghìn tấn; (5) Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorit) tại huyện Chợ Mới trữ lượng 23,4 nghìn tấn quặng.

- 02 loại khoáng sản mới được phát hiện, chưa dự kiến được trữ lượng tài nguyên, gồm: (1) Đá làm fluorit mới được phát hiện tại huyện Ngân Sơn; (2) Nước khoáng thiên nhiên tại Hòa Mục, Chợ Mới.

- 06 loại khoáng sản là đa kim hoặc là khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính nên không dự kiến được trữ lượng, gồm: (1) Quặng bạch kim, quặng bạc, quặng thiếc; (2) Quặng vôn-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon); (3) Quặng khoáng sản kim loại khác; (4) Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa, Birusa, Nê-phờ-rít (nefrite); (5) Cuội, sạn; (6) Các khoáng sản không kim loại khác.

**2. Thuyết minh về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác 27 loại khoáng sản tại dự thảo Nghị quyết**

***2.1. Các căn cứ đề xuất mức thu phí tại dự thảo Nghị quyết:***

- Khung mức thu phí bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP;

- Mức độ tác động đến môi trường khi thực hiện hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản;

- Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Tình hình thực tế về trữ lượng các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh: Trữ lượng lớn hay trữ lượng thấp; khoáng sản đi kèm; …

- Điều kiện khai thác: Mỏ khoáng sản xa hay gần, điều kiện địa hình, giao thông đến địa bàn khai thác có thuận lợi hay không, … theo đó sẽ ảnh hưởng đến chi phí khai thác;

- Có xem xét đến yếu tố số thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là một nguồn thu chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng số thu ngân sách nhà nước của tỉnh;

- Giá trị và giá trị sử dụng của từng loại khoáng sản;

- Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh có tham khảo một số tỉnh lân cận để đảm bảo mức thu phí đề xuất tại dự thảo Nghị quyết tương đồng với các địa phương khác theo khung mức thu phí tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP. Tuy nhiên, do Nghị định số 27/2023/NĐ-CP mới được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 15/7/2023, nên các địa phương mới chỉ đang trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết. Do đó, UBND tỉnh đã tham khảo mức thu phí của một số tỉnh lân cận đang đề xuất tại dự thảo Nghị quyết của các tỉnh để đảm bảo tính tương đồng, phù hợp;

(*Chi tiết số liệu so sánh theo Biểu số 03 đính kèm*)

- Tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP, Chính phủ không quy định UBND cấp tỉnh phải ban hành tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích, do đó trong giai đoạn từ năm 2022 trở về trước, cơ quan thu phí bảo vệ môi trường không có cơ sở để thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với các loại khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, Chính phủ quy định: “*Căn cứ hàm lượng trung bình của từng loại khoáng sản có trong quặng nguyên khai khai thác và tổng hàm lượng trung bình của các loại khoáng sản có trong quặng nguyên khai khai thác…, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan trình UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích để tính phí bảo vệ môi trường phù hợp với tình hình thực tế của địa phương*”. Theo đó, tại dự thảo Nghị quyết quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với một số loại khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính. Quy định của UBND tỉnh về tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai và mức thu phí bảo vệ môi trường đối với các loại khoáng sản đi kèm sau khi Nghị quyết được ban hành là cơ sở để Cục Thuế tỉnh, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện việc thu, nộp phí bảo vệ môi trường đối với các loại khoáng sản đi kèm, góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước.

***2.2. Đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường tại dự thảo Nghị quyết:***

*2.2.1. Đối với 08 loại quặng khoáng sản kim loại:*

(1) Quặng sắt: Đề xuất mức thu phí ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa theo khung mức thu tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, bằng mức thu tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND là 50.000 đồng/tấn.

Cơ sở đề xuất: Hiện nay, các mỏ quặng sắt trên địa bàn tỉnh có hàm lượng sắt có trong quặng nguyên khai thấp, dẫn đến chi phí khai thác, tuyển làm giàu tăng, do đó để khuyến khích các doanh nghiệp khai thác triệt để quặng sắt, không đổ ra bãi thải gây lãng phí tài nguyên, thì cần quy định mức thu phí ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa. Mức thu này tương đồng với các tỉnh lân cận như: Thái Nguyên, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn.

(2) Quặng măng-gan: Đề xuất mức thu phí ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa theo khung mức thu tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, bằng mức thu tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND là 40.000 đồng/tấn.

Cơ sở đề xuất: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh không có mỏ quặng măng-gan, mà chỉ có quặng sắt mangan có hàm lượng măng-gan trong quặng nguyên khai thấp, dẫn đến chi phí khai thác, tuyển làm giàu tăng, do đó để khuyến khích các doanh nghiệp thu hồi măng-gan có trong quặng, không đổ ra bãi thải gây lãng phí tài nguyên, thì cần quy định mức thu phí ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa. Mức thu này tương đồng với các tỉnh lân cận như: Thái Nguyên, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn.

(3) Quặng vàng: Đề xuất mức thu phí ở mức tối đa theo khung mức thu tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP đối với khai thác vàng gốc, tương ứng là 270.000 đồng/tấn; mức thu phí ở mức tối thiểu theo khung mức thu tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP đối với khai thác vàng sa khoáng, tương ứng là 180.000 đồng/tấn.

Cơ sở đề xuất: Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang phát sinh khai thác vàng gốc, do việc khai thác vàng gốc được thực hiện liên tục tại các mỏ vàng, do đó mức độ tác động, ảnh hưởng đến môi trường từ việc khai thác vàng gốc lớn và liên tục. Hơn nữa, vàng là kim loại có giá trị lớn, hàm lượng vàng có trong quặng nguyên khai lớn, nên lợi ích thu về cho các doanh nghiệp từ việc khai thác vàng là rất cao. Mặt khác, đối tượng khai thác là các doanh nghiệp, tổ chức có năng lực về tài chính, do đó đối với vàng gốc, UBND tỉnh đề xuất mức thu phí theo mức tối đa theo khung mức thu phí tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP (bằng mức thu tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND) để tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, góp phần hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước hàng năm. Riêng vàng sa khoáng, thường là khoáng sản đi kèm trong cát sỏi, có hàm lượng vàng trong quặng nguyên khai thấp, do đó chi phí tuyển làm giàu cũng cao hơn, do đó UBND tỉnh đề xuất mức thu phí bằng mức tối thiểu theo khung mức thu phí tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP (bằng mức thu tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND).

(4) Quặng bạch kim, quặng bạc, quặng thiếc: Đề xuất mức thu phí ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa theo khung mức thu tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, tương ứng là 225.000 đồng/tấn.

Cơ sở đề xuất: Bạch kim, bạc, thiếc là các khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính; mặt khác địa bàn khai thác ở các huyện Ngân Sơn, Pác Nặm có địa hình phức tạp, điều kiện đi lại, khai thác khó khăn, dẫn đến chi phí khai thác lớn, do đó để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư khai thác cần quy định mức thu phí ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa. Mức thu này tương đồng với các tỉnh lân cận như: Thái Nguyên, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn. Tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND quy định mức thu bằng mức tối đa của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP là 270.000 đồng/tấn, tuy nhiên trong giai đoạn vừa qua chưa phát sinh số thu đối với loại khoáng sản này nên tại dự thảo Nghị quyết này đề nghị giảm mức thu so với Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND.

(5) Quặng vôn-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon): Đề xuất mức thu phí ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa theo khung mức thu tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, bằng mức thu tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND là 40.000 đồng/tấn.

Cơ sở đề xuất: Quặng vôn-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon) là các quặng đa kim (trong quặng nguyên khai có nhiều kim loại khác nhau), do đó để khuyến khích các doanh nghiệp khai thác, thu hồi triệt để hàm lượng vôn-phờ-ram, ăng-ti-moan có trong quặng, không đổ ra bãi thải gây lãng phí tài nguyên, thì cần quy định mức thu phí ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa. Mức thu này cơ bản tương đồng với các tỉnh lân cận như: Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn.

(6) Quặng chì, quặng kẽm: Đề xuất mức thu phí là 250.000 đồng/tấn.

Cơ sở đề xuất: Tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND, HĐND tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường khi khai thác quặng chì, quặng kẽm ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa (220.000 đồng/tấn). Tuy nhiên, đây là loại khoáng sản có khối lượng khai thác lớn nên mức độ tác động đến môi trường lớn, hơn nữa đây là loại khoáng sản có tổng mức thu phí nộp ngân sách lớn nhất, do đó để tăng thêm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, UBND tỉnh đề xuất mức thu phí là 250.000 đồng/tấn. Mức thu này cơ bản tương đồng với mức thu của các tỉnh lân cận như: Hà Giang, Lạng Sơn.

(7) Quặng đồng, quặng ni-ken (nicken): Đề xuất giữ nguyên mức thu bằng với mức thu tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND là 50.000 đồng/tấn.

Cơ sở đề xuất: Hiện nay, quặng đồng, quặng ni-ken chủ yếu tập trung trên địa bàn huyện Na Rì, có trữ lượng thấp, đồng thời hàm lượng đồng, ni-ken có trong quặng nguyên khai thấp, điều kiện khai thác xa xôi, khó khăn, thông thường lại là khoáng sản đi kèm, dẫn đến chi phí khai thác, tuyển làm giàu tăng, do đó để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư khai thác, UBND tỉnh đề xuất mức thu phí là 50.000 đồng/tấn.

(8) Quặng khoáng sản kim loại khác: Đề xuất mức thu phí ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa theo khung mức thu tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, bằng với mức thu tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND là 25.000 đồng/tấn.

Cơ sở đề xuất: Các khoáng sản kim loại khác là những khoáng sản không thuộc danh mục các loại khoáng sản kim loại cụ thể quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, các khoáng sản kim loại khác thường là các khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính; do đó để khuyến khích các doanh nghiệp khai thác nộp phí (bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản chính và phí bảo vệ môi trường đối với các khoáng sản đi kèm), tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, thì cần quy định mức thu phí ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa.

*2.2.2. Đối với 19 loại khoáng sản không kim loại:*

(1) Cát vàng: Đề xuất mức thu phí là 5.000 đồng/m3 (cao hơn mức tối thiểu nhưng thấp hơn mức bình quân).

Cơ sở đề xuất mức thu: Các mỏ cát trên địa bàn tỉnh có trữ lượng không lớn, công suất khai thác thấp, chi phí sản xuất lớn; hiện nay, cát phục vụ cho các công trình xây dựng chủ yếu vận chuyển từ tỉnh khác đến, nên giá thành tăng cao; đồng thời, mức độ tác động đến môi trường đối với khai thác cát thấp, vì vậy để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp khai thác cát trên địa bàn tỉnh, nhằm giảm chi phí giá thành, UBND tỉnh đề xuất mức thu phí là 5.000 đồng/m3. Mức thu này tương đồng với mức thu của tỉnh Lạng Sơn.

(2) Các loại cát khác: Đề xuất mức thu phí là 4.000 đồng/m3 (cao hơn mức tối thiểu nhưng thấp hơn mức bình quân).

Cơ sở đề xuất mức thu: Đây là loại khoáng sản có chất lượng thấp, không đủ chất lượng để xây dựng các công trình, mà chủ yếu phục vụ san lấp nền, hoặc mang đổ thải; đồng thời, mức độ tác động đến môi trường đối với khai thác cát thấp, vì vậy để hạn chế đổ ra bãi thải gây ảnh hưởng đến môi trường, cần quy định mức thu phí ở mức thu cao hơn tối thiểu nhưng thấp hơn bình quân, UBND tỉnh đề xuất mức thu phí là 4.000 đồng/m3. Mức thu này tương đồng với mức thu của tỉnh Lạng Sơn.

(3) Cuội, sạn: Đề xuất mức thu phí bằng mức thu tối thiểu theo khung mức thu quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, tương ứng là 6.000 đồng/m3.

Cơ sở đề xuất mức thu: Đây là loại khoáng sản có trong các mỏ cát sỏi trên địa bàn tỉnh, hiện nay chủ yếu được dùng để sản xuất cát nhân tạo, nhưng chi phí sản xuất rất lớn; vì vậy để khuyến khích các đơn vị đầu tư thiết bị, sử dụng cuội sạn sản xuất thành cát nhân tạo, UBND tỉnh đề xuất mức thu phí tối thiểu là 6.000 đồng/m3. Mức thu này tương đồng với mức thu của tỉnh Lạng Sơn.

(4) Đá block (bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ): Đề xuất mức thu phí bằng mức thu tối thiểu theo khung mức thu quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, tương ứng là 60.000 đồng/m3.

Cơ sở đề xuất mức thu: Đây là loại khoáng sản trong các mỏ đá vôi trắng (đá hoa trắng); đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ tại khu vực Thuần Mang, Vũ Muộn có tài nguyên khá lớn, hiện nay một số nhà đầu tư đang nghiên cứu để khai thác, chế biến loại khoáng sản này. Vì vậy để khuyến khích các đơn vị xem xét đầu tư dự án, nhằm khai thác lợi thế tiềm năng khoáng sản, góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương, UBND tỉnh đề xuất mức thu phí tối thiểu là 60.000 đồng/m3.

(5) Đối với 15 loại khoáng sản không kim loại còn lại: UBND tỉnh đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa theo khung mức thu tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP.

Cơ sở đề xuất mức thu:

- Việc khai thác các loại khoáng sản này trên địa bàn tỉnh diễn ra không thường xuyên, liên tục và được thực hiện rải rác, do đó mức độ tác động, ảnh hưởng đến môi trường từ việc khai thác các loại khoáng sản này là không lớn.

- Các loại khoáng sản này có giá trị thấp, chủ yếu làm vật liệu xây dựng thông thường cho các công trình của nhà nước hoặc tư nhân.

- Một số loại khoáng sản mới được phát hiện hoặc được khảo sát, đánh giá tài nguyên, như: Đá làm fluorit mới được phát hiện tại huyện Ngân Sơn; đá hoa trắng làm bột carbonat được phát hiện tại mỏ đá vôi trắng Nà Hai, xã Quảng Khê, huyện Ba Bể; đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp được đánh giá tại các mỏ đá vôi trắng của tỉnh.

- Một số loại khoáng sản là khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính như: Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa, Birusa, Nê-phờ-rít (nefrite); cuội, sạn; các khoáng sản không kim loại khác.

- Mức thu đang đề xuất cơ bản tương đồng với mức thu của các tỉnh lân cận.

(*Chi tiết mức thu phí đề xuất theo Biểu số 02 đính kèm*)

***2.3. Đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản*** bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại Mục I, II Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Việc đề xuất mức thu như trên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP.

***2.4. Về đơn vị tính phí bảo vệ môi trường:*** Căn cứ đơn vị tính phí bảo vệ môi trường trong Biểu khung mức thu phí tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP và tình hình thực tế, UBND tỉnh đề xuất đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với 27 loại khoáng sản tại dự thảo Nghị quyết theo đơn vị tính quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP.

***2.5. Đối với các nội dung khác liên quan đến phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, như:*** Đối tượng chịu phí; tổ chức thu phí; người nộp phí; các trường hợp được miễn phí; phương pháp tính phí; kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP của Chính phủ. UBND tỉnh không đưa các nội dung trên vào dự thảo Nghị quyết do Nghị định số 27/2023/NĐ-CP đã quy định rất rõ, đồng thời Nghị định số 27/2023/NĐ-CP không quy định HĐND tỉnh phải quy định những nội dung này, mà chỉ quy định cụ thể về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

***2.6. Tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP có quy định:*** *“... Chậm nhất đến ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải ban hành tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích để áp dụng tại địa phương*”.

Theo đó, ngày 30/10/2023, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1980/QĐ-UBND phê duyệt tỷ lệ từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn để Cục Thuế tỉnh, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp phí bảo vệ môi trường khi khai thác khoáng sản có cơ sở thực hiện theo đúng quy định.

**3. Về hình thức thu phí.**

Theo báo cáo của Cục Thuế tỉnh, hiện nay công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh được thực hiện bằng phương thức điện tử (trực tuyến) ở tất cả các khâu trong quá trình kê khai, thu, nộp và quản lý phí bảo vệ môi trường. Mọi vướng mắc trong quá trình kê khai, nộp phí của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đều được cơ quan Thuế các cấp tại địa phương (là tổ chức thu phí) xử lý, hướng dẫn lập chứng từ nộp phí trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Do cơ quan Thuế đã triển khai thực hiện toàn bộ quá trình kê khai, thu, nộp phí theo hình thực trực tuyến, nên tại dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đề xuất không phân tách mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo 02 hình thức: trực tuyến và trực tiếp như đối với các khoản phí và lệ phí khác quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**III. THUYẾT MINH SỐ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TĂNG THÊM SO VỚI MỨC THU TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 21/2017/NQ-HĐND**

Với dự kiến khối lượng khai thác năm 2024 theo giấy cấp phép khai thác của từng loại khoáng sản, thì dự kiến số thu ngân sách nhà nước theo mức thu mới tại dự thảo Nghị quyết là khoảng 105.973 triệu đồng, tăng khoảng 10.237,7 tỷ đồng so với dự kiến số thu ngân sách nhà nước theo mức thu tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND, vì:

- Trong 11 loại khoáng sản đang thực hiện khai thác và thu phí bảo vệ môi trường, có 05 loại có mức thu phí tại dự thảo Nghị quyết cao hơn so với mức thu phí tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND, theo đó số thu ngân sách nhà nước tăng thêm chủ yếu do tăng mức thu phí của các loại khoáng sản này, bao gồm: Quặng chì, quặng kẽm; Sỏi; Đá làm vật liệu xây dựng thông thường; Cát vàng; Đất sét, đất làm gạch, ngói.

- Một số loại khoáng sản là khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính, do đó không dự kiến được cụ thể khối lượng khai thác. Trong quá trình khai thác khoáng sản, phát sinh loại khoáng sản nào sẽ thực hiện thu phí bảo vệ môi trường quy định tại dự thảo Nghị quyết, góp phần tăng thu ngân sách.